

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 01- 2018
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chương

2. Ông Trần Đình Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quyên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đào Quang Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 824/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1992; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án tại đội 8, điểm sản xuất số 3 Trại giam Xuân Nguyên, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 24 tháng 11 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 4 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị T và

anh T chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, sinh hoạt dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Hơn nữa anh T vi phạm pháp luật dẫn đến phải đi chấp hành hình phạt tù. Do đó hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có bản tự khai thể hiện: Anh T thừa nhận lời khai của nguyên đơn về thời gian, điều kiện, hình thức kết hôn và khẳng định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị T được ly hôn.

[2] *Về con chung*: Chị Bùi Thị T khai vợ chồng có con chung là cháu Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 13/03/2012, trường hợp ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi cháu D. về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị T đề nghị để chị T và anh T tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T đồng ý nhường quyền nuôi dưỡng con chung cho chị Bùi Thị T. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị T và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung*: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T thống nhất khai vợ chồng không có tài sản chung nên chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu điều tra có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong lao động, sinh hoạt, làm ăn kinh tế dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Mặt khác do anh Tính vi phạm pháp luật dẫn đến phải đi chấp hành hình phạt tù và hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Chị T xin ly hôn, anh T cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị ly hôn của chị T và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T có một con chung tên Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 13/03/2012. Trường hợp ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con chung. Anh T đồng ý nhường quyền nuôi con Nguyễn Hoàng D cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, chị T là người trực tiếp chăm sóc, thăm nom con chung và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt. Mặt khác, anh T hiện đang phải chấp hành án phạt tù nên không có điều kiện trực tiếp nuôi con chung. Vì vậy cần giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng D là phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T đề nghị để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu và anh Nguyễn Văn T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Bùi Thị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 13/03/2012 cho đến khi cháu Nguyễn Hoàng D đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn T thống nhất khai không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0008558 ngày 14/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày bản được giao cho anh Tính hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Trung Hà, Thủy Nguyên;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ.....phút ngày 29 tháng 01 năm 2018.

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chương

Ông Trần Đình Diệu

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 824/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn ”giữa:

1.Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1992; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Trại, xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, có mặt.

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Trại, xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án tại đội 8, điểm sản xuất số 3 Trại giam Xuân Nguyên, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1.Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2.Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị Thủy đã nộp theo biên lai số 0005910 ngày 26/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Về quyền kháng cáo:*Chị Bùi Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày bản án được giao cho anh Tuấn hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Kết quả biểu quyết: 3/3

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Công Hạ - Hoàng Đắc Hân

Khúc Trọng Quang

